

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào Nhà máy xi măng  
Công Thanh (đoạn nút giao ngã ba Tân Trường vào  
Nhà máy xi măng Công Thanh)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC, ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;*

*Căn cứ Báo cáo Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI ngày 619/KTNN-TH ngày 16/11/2018 về Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và giao quản lý Ban quản lý KKT Nghi Sơn và Khu Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 951/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 về việc phê duyệt dự án đầu tư; số 1373/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào Nhà máy xi măng Công Thanh (đoạn nút giao ngã ba Tân Trường vào Nhà máy xi măng Công Thanh);*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5757/STC-ĐT ngày 30/10/2020 kèm theo báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành; của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 3117/BQLKKTNS&KCN-TTr ngày 30/10/2020 kèm theo báo cáo quyết toán ngày 19/10/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- **Tên dự án:** Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào Nhà máy xi măng Công Thanh (đoạn nút giao ngã ba Tân Trường vào Nhà máy xi măng Công Thanh).

- **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa.

- **Địa điểm xây dựng:** Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).

- **Thời gian thực hiện:** Khởi công tháng 3/2017; hoàn thành tháng 6/2020.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị: 1.000 đồng.*

| Nguồn vốn       | Dự toán phê duyệt lần cuối | Giá trị phê duyệt quyết toán | Thực hiện            |                     |
|-----------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|---------------------|
|                 |                            |                              | Số vốn đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| <b>Tổng số:</b> | <b>119.880.388</b>         | <b>113.511.310</b>           | <b>109.755.051</b>   | <b>3.756.259</b>    |
| Ngân sách TW    | 119.880.388                | 113.511.310                  | 109.755.051          | 3.756.259           |

### 2. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị: 1.000 đồng.*

| Nội dung                   | Dự toán phê duyệt lần cuối | Giá trị quyết toán |
|----------------------------|----------------------------|--------------------|
| <b>Tổng số:</b>            | <b>119.880.388</b>         | <b>113.511.310</b> |
| - Chi phí xây dựng:        | 93.989.000                 | 89.237.320         |
| - Chi phí quản lý dự án :  | 1.206.000                  | 1.205.391          |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD:     | 3.532.343                  | 3.324.092          |
| - Chi phí khác:            | 1.006.045                  | 535.494            |
| - Chi phí bồi thường GPMB: | 19.437.498                 | 19.209.013         |
| - Dự phòng:                | 709.502                    |                    |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị công trình : không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị: 1.000 đồng.*

| Nội dung                 | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                 |
|--------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|                          | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi |
| <b>Tổng số:</b>          | <b>113.511.310</b>       |                 |                          |                 |
| - Tài sản dài hạn(TSCĐ): | 113.511.310              |                 |                          |                 |
| - Tài sản ngắn hạn:      |                          |                 |                          |                 |

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

## 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

## 1.1. Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị: 1.000 đồng.*

| <b>Nguồn vốn</b> | <b>Số tiền</b>     | <b>Ghi chú</b> |
|------------------|--------------------|----------------|
| <b>Tổng số :</b> | <b>113.511.310</b> |                |
| Ngân sách TW     | 113.511.310        |                |

## 1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 30 tháng 10 năm 2020:

|   |          |                      |              |
|---|----------|----------------------|--------------|
| <b>- Các khoản phải thu:</b>  | <b>:</b> | <b>231.595.000</b>   | <b>đồng;</b> |
| Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh                                      | :        | 231.595.000          | đồng.        |
| <b>- Các khoản phải trả:</b>  | <b>:</b> | <b>3.987.854.000</b> | <b>đồng;</b> |
| + Công ty TNHH tư vấn và ĐTXD Khánh Linh                                      | :        | 3.371.062.000        | đồng.        |
| + Tổng Công ty Cổ phần Miền Trung   | :        | 167.187.000          | đồng.        |
| + Tổng Công ty CP Tư vấn XDGT Thanh Hóa                                       | :        | 249.264.000          | đồng.        |
| + Công ty Bảo Việt Thanh Hóa - Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.                | :        | 20.000.000           | đồng.        |
| + Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ môi trường VINAGREEN                         | :        | 10.343.000           | đồng.        |
| + Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa | :        | 43.876.000           | đồng.        |
| + Sở Tài chính Thanh Hóa  | :        | 126.122.000          | đồng.        |

## 1.3. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

## 2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị: 1.000 đồng.*

| <b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>                                  | <b>Tài sản dài hạn/<br/>cố định</b> | <b>Tài sản ngắn hạn</b> |
|--|-------------------------------------|-------------------------|
| <b>Tổng số:</b>  | <b>113.511.310</b>                  |                         |
| - Ban Quản Lý KKT Nghi Sơn và các KCN (Trung tâm quản lý hạ tầng môi | 102.891.627                         |                         |

|                             |            |  |
|-----------------------------|------------|--|
| trường và hỗ trợ đầu tư)    |            |  |
| - Công ty TNHH MTV Sông Chu | 10.619.683 |  |

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Hạch toán theo chế độ hiện hành.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Thanh toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm quản lý hạ tầng môi trường và hỗ trợ đầu tư; Công ty TNHH MTV Sông Chu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thi**